

Số: 1039/QĐ-SYT

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
đối với Bệnh viện Phổi**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp Chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 35/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế Quy định phạm vi hoạt động chuyên môn đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-SYT ngày 01/5/2022 của Sở Y tế Thái Nguyên về việc cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản họp Đoàn thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh, mở rộng phạm vi chuyên môn Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế Thái Nguyên ngày 01/5/2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Hành nghề Y Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 601 kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh. Trong đó có 596 kỹ thuật đúng tuyến, 05 kỹ thuật vượt tuyến (danh mục kỹ thuật kèm theo) theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT và Thông tư số 21/2017/TT-BYT đối với Bệnh viện Phổi (địa chỉ: tổ 9, phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên).

Điều 2. Bệnh viện Phổi phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng phòng Quản lý Hành nghề Y- Dược, Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Phổi và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website SYT;
- Lưu: VT,QLHNYD (M-3b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Trọng Vũ

DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Đơn vị: BỆNH VIỆN PHỔI

(Ban hành kèm Quyết định số 1039/QĐ-SYT ngày 01/5/2022 của Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên về việc Phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Phổi)

I. DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN

STT	STT theo TT43, 21	Tên kỹ thuật
	I	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
	A	TUẦN HOÀN
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
4	7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng
5	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
6	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ
7	39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ
8	40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm
9	41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu
10	42	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da
11	44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ
12	45	Dùng thuốc chống đông
13	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
	B	HÔ HẤP
14	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
15	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)
16	56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)
17	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
18	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
19	59	Thở ôxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)

20	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
21	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)
22	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ
23	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)
24	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
25	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
26	66	Đặt ống nội khí quản
27	71	Mở khí quản cấp cứu
28	72	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp
29	73	Mở khí quản thường quy
30	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
31	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
32	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
33	77	Thay ống nội khí quản
34	78	Rút ống nội khí quản
35	79	Rút canuyn khí quản
36	80	Thay canuyn mở khí quản
37	81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
38	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)
39	85	Vận động trị liệu hô hấp
40	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
41	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
42	92	Siêu âm màng phổi cấp cứu
43	93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter
44	94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ
45	95	Mở màng phổi cấp cứu
46	96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca
47	97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ
48	100	Nội soi màng phổi để chẩn đoán
49	101	Nội soi màng phổi sinh thiết
50	104	Gây dính màng phổi bằng povidone iodine bơm qua ống dẫn lưu màng phổi
51	106	Nội soi khí phế quản cấp cứu
52	107	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh không thở máy
53	108	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh có thở máy
54	109	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh không thở máy

55	110	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh có thở máy
56	111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật
57	112	Bơm rửa phế quản
58	113	Rửa phế quản, phế nang
59	114	Rửa phế quản, phế nang chọn lọc
60	116	Nội soi bơm rửa phế quản cấp cứu lấy bệnh phẩm ở người bệnh thở máy
61	117	Nội soi phế quản cấp cứu để cầm máu ở người bệnh thở máy
62	120	Nội soi khí phế quản hút đờm
63	122	Nội soi phế quản và chài phế quản
64	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ
65	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ
66	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ
67	132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ
68	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ
69	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ
70	138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ
71	145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ
72	147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ
73	151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP
74	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
75	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao
76	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
77	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở
78	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
79	311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy
80	316	Đo thể tích khí tự thở và áp lực âm tối đa đường thở thì hít vào
	C	THẬN - LỌC MÁU
81	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
82	161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
83	164	Thông bàng quang
84	334	Chăm sóc ống thông qua bàng quang
	D	THẦN KINH
85	202	Chọc dịch tuỷ sống
86	345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc
	Đ	TIÊU HÓA

87	216	Đặt ống thông dạ dày
88	218	Rửa dạ dày cấp cứu
89	221	Thụt tháo
90	222	Thụt giữ
91	223	Đặt ống thông hậu môn
92	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
93	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
94	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
95	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
96	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
97	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
98	241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ
99	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu
	E	TOÀN THÂN
100	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử
101	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
102	247	Hạ thân nhiệt chỉ huy
103	248	Nâng thân nhiệt chỉ huy
104	249	Giải Stress cho người bệnh
105	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu
106	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
107	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
108	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
109	254	Truyền máu và các chế phẩm máu
110	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch
111	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch
112	258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ
113	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
114	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)
115	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường
116	264	Tắm cho người bệnh tại giường
117	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
118	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
119	275	Băng bó vết thương
120	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
121	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng

122	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
123	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy
	G	XÉT NGHIỆM
124	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
125	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
126	284	Định nhóm máu tại giường
127	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường
128	286	Đo các chất khí trong máu
	H	THĂM DÒ KHÁC
129	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh
130	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường
	K	TÌM MẠCH
131	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm
132	318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm
133	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm
134	323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm
135	324	Chăm sóc catheter swan-ganz ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu
136	325	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua cổng đo áp lực trên máy theo dõi
	P	CHỐNG ĐỘC
137	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu
138	364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu
	II	NỘI KHOA
	A	HÔ HẤP
139	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
140	2	Bơm rửa khoang màng phổi
141	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
142	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
143	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
144	9	Chọc dò dịch màng phổi
145	10	Chọc tháo dịch màng phổi
146	11	Chọc hút khí màng phổi
147	12	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
148	13	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
149	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter
150	16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP
151	24	Đo chức năng hô hấp

152	26	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục
153	28	Kỹ thuật ho có điều khiển
154	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành
155	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
156	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
157	32	Khí dung thuốc giãn phế quản
158	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
159	38	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi
160	40	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên vách phế quản
161	43	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản
162	45	Nội soi phế quản ống mềm
163	48	Nội soi phế quản chài phế quản chẩn đoán
164	49	Nội soi rửa phế quản phế nang chọn lọc
165	50	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)
166	51	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản
167	54	Nội soi phế quản ống mềm ở người bệnh có thở máy
168	55	Nội soi phế quản ánh sáng huỳnh quang
169	58	Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản
170	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút
171	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe
172	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu
173	64	Sinh thiết màng phổi mù
174	65	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
175	66	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
176	67	Thay canuyn mở khí quản
177	68	Vận động trị liệu hô hấp
178	432	Chọc hút mũ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
179	433	Chọc hút khí, mũ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính
	B	TIM MẠCH
180	74	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim
181	75	Chọc dò màng ngoài tim
182	76	Dẫn lưu màng ngoài tim
183	85	Điện tim thường
	C	THẦN KINH
184	129	Chọc dò dịch não tủy
185	150	Hút đờm hầu họng

186	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn
187	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN
188	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
	D	THẬN TIẾT NIỆU
189	188	Đặt sonde bàng quang
190	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
191	211	Nong niệu đạo và đặt sonde đái
192	233	Rửa bàng quang
	Đ	TIÊU HÓA
193	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
194	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
195	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
196	244	Đặt ống thông dạ dày
197	247	Đặt ống thông hậu môn
198	314	Siêu âm ổ bụng
199	317	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe
200	333	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục
201	334	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng
202	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn
203	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
204	339	Thụt tháo phân
	E	CƠ XƯƠNG KHỚP
205	344	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm
206	349	Hút dịch khớp gối
207	350	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
208	353	Hút dịch khớp khuỷu
209	354	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm
210	355	Hút dịch khớp cổ chân
211	356	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
212	357	Hút dịch khớp cổ tay
213	358	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
214	359	Hút dịch khớp vai
215	360	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
216	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm
217	364	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
218	373	Siêu âm khớp (một vị trí)
219	374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)

	N	DI ỨNG MIỄN DỊCH LÂM SÀNG	
	220	641	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều
	221	642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều
	222	643	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản
	223	646	Vỗ rung cho người bệnh hen phế quản
		III	NHI
			I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
		A	TUẦN HOÀN
	224	18	Dẫn lưu dịch màng ngoài tim cấp cứu
	225	19	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ
	226	27	Xử trí và theo dõi loạn nhịp tim cấp cứu
	227	28	Đặt catheter tĩnh mạch
	228	31	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
	229	38	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm
	230	39	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu
	231	40	Dẫn lưu dịch, máu màng ngoài tim
	232	41	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
	233	44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
	234	45	Hạ huyết áp chỉ huy
	235	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường
	236	47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
	237	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
	238	50	Chăm sóc catheter động mạch
	239	51	Ép tim ngoài lồng ngực
		B.	HÔ HẤP
	240	53	Nội soi khí phế quản bằng ống soi mềm
	241	56	Nội soi khí phế quản hút đờm
	242	57	Nội soi khí phế quản cấp cứu
	243	58	Thở máy bằng xâm nhập
	244	62	Nội soi khí phế quản ở NB suy hô hấp
	245	63	Nội soi khí phế quản ở NB thở máy
	246	65	Bơm rửa phế quản có bàn chải
	247	67	Nội soi màng phổi để chẩn đoán
	248	69	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu
	249	70	Siêu âm màng phổi
	250	72	Nội soi khí phế quản để cầm máu
	251	73	Nội soi khí phế quản lấy dị vật

252	74	Nội soi màng phổi sinh thiết
253	75	Cai máy thở
254	76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.
255	77	Đặt ống nội khí quản
256	78	Mở khí quản
257	79	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi
258	80	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp
259	81	Bơm rửa màng phổi
260	82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
261	83	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản
262	84	Chọc thăm dò màng phổi
263	85	Mở màng phổi tối thiểu
264	86	Dẫn lưu màng phổi liên tục
265	87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
266	88	Thăm dò chức năng hô hấp
267	89	Khí dung thuốc cấp cứu
268	90	Khí dung thuốc thở máy
269	91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần
270	92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín
271	93	Vận động trị liệu hô hấp
272	95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở
273	96	Mở khí quản qua da cấp cứu
274	101	Thay canuyn mở khí quản
275	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản
276	103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
277	105	Thổi ngạt
278	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
279	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
280	108	Thở oxy gọng kính
281	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
282	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi
283	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
284	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
	C	THẬN – LỘC MÁU
285	125	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
286	128	Bài niệu cưỡng bức

287	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
288	133	Thông tiểu
	D	THẦN KINH
289	137	Xử trí tăng áp lực nội sọ
290	148	Chọc dịch tuỷ sống
	Đ	TIÊU HÓA
291	164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu
292	165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
293	167	Đặt ống thông dạ dày
294	171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
295	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày
296	174	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường tĩnh mạch trung tâm
297	175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày
298	178	Đặt sonde hậu môn
299	179	Thụt tháo phân
300	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
301	181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP
	D	LỒNG NGỰC PHỔI
302	1029	Nội soi màng phổi để chẩn đoán và điều trị
		XIII. NỘI KHOA
	C	TIÊU HÓA
303	2354	Chọc dịch màng bụng
304	2357	Thụt tháo phân
305	2358	Đặt sonde hậu môn
	H	CÁC KỸ THUẬT KHÁC
306	2387	Tiêm trong da
307	2388	Tiêm dưới da
308	2389	Tiêm bắp thịt
309	2390	Tiêm tĩnh mạch
310	2391	Truyền tĩnh mạch
	IV	LAO (NGOẠI LAO)
311	30	Bơm rửa ổ lao khớp
312	39	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ
313	40	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách
	IX	GÂY MÊ HỒI SỨC
314	4	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường

315	6	Cấp cứu cao huyết áp
316	7	Cấp cứu ngừng thở
317	8	Cấp cứu ngừng tim
318	9	Cấp cứu ngừng tim bằng máy tự động
319	10	Cấp cứu tụt huyết áp
320	11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong
321	22	Chụp Xquang cấp cứu tại giường
322	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
323	98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da
324	136	Mở khí quản
325	139	Nâng thân nhiệt chỉ huy
326	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
327	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
328	149	Rửa tay sát khuẩn
329	150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
330	151	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
331	168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
332	169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy
333	173	Theo dõi SpO ₂
334	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
335	177	Thở CPAP không qua máy thở
336	182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau
337	183	Thở oxy gọng kính
338	184	Thở oxy qua mặt nạ
339	185	Thở oxy qua mũ kín
340	186	Thở oxy qua ống chữ T
341	195	Truyền dịch thường qui
342	196	Truyền dịch trong sóc
343	197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui
344	200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện
345	201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện
346	202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
347	205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường
	X	NGOẠI KHOA
	A	THẦN KINH - SỌ NÃO
		4. Dịch não tủy
348	57	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)

	XV	TAI - MŨI - HỌNG
	C	HỌNG - THANH QUẢN
349	199	Nội soi bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản
350	200	Nội soi bơm rửa khí phế quản
351	212	Lấy dị vật họng miệng
352	213	Lấy dị vật hạ họng
353	219	Đặt nội khí quản
354	220	Thay canuyn
355	222	Khí dung mũi họng
356	227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê
357	229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê
358	231	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê
359	233	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê
360	235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê
361	237	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê
362	239	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê
363	241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê
364	243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê
365	245	Nội soi khí quản ống mềm chẩn đoán gây tê
366	247	Nội soi khí quản ống mềm lấy dị vật gây tê
367	249	Nội soi khí quản ống mềm sinh thiết u gây tê
368	251	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán gây tê
369	253	Nội soi phế quản ống mềm lấy dị vật gây tê
370	255	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết u gây tê
	D	ĐẦU CỔ
371	303	Thay băng vết mổ
372	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
	XVII	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
	B	VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
373	73	Tập các kiểu thở
374	74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)
375	75	Tập ho có trợ giúp
376	76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
377	77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế
	XVII I	ĐIỆN QUANG

	A	SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
		1. Siêu âm đầu, cổ
378	4	Siêu âm hạch vùng cổ
		2. Siêu âm vùng ngực
379	11	Siêu âm màng phổi
380	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
381	13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi
		3. Siêu âm ổ bụng
382	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
383	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
		4. Siêu âm sản phụ khoa
384	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
		5. Siêu âm cơ xương khớp
385	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
386	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam
387	57	Siêu âm tinh hoàn hai bên
	B	CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy
388	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng
389	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
390	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
391	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên
392	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế
393	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
394	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
395	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
396	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên
397	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
398	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn
399	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze
400	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
401	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên
402	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng
403	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch
404	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng

405	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch
406	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
407	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
408	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch
409	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
410	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
411	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
412	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
413	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
414	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
415	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
416	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch
417	113	Chụp Xquang xương bánh chèo và khớp đùi bánh chèo
418	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
419	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
420	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
421	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
422	118	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng
423	119	Chụp Xquang ngực thẳng
424	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
425	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
426	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
427	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
428	127	Chụp Xquang tại giường
		2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị
429	130	Chụp Xquang thực quản dạ dày
430	132	Chụp Xquang đại tràng
	C	CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)
		1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy
431	149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang
432	150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang
		4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy
433	191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang
434	192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
435	193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao
436	194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u
437	196	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi

		7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy
438	219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)
439	220	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy
440	221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)
441	222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy
		10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy
442	255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang
443	256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang
444	257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang
445	258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang
446	259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang
447	260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang
448	261	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang
449	262	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang
450	264	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang
	Đ	KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm
451	609	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
452	611	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm
453	620	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
454	625	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm
455	632	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm
456	633	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm
		6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính
457	636	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính
	XX	NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP
	C	KHÍ - PHÉ QUẢN
458	17	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết xuyên vách
459	22	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết
460	25	Nội soi khí - phế quản ống mềm chẩn đoán
461	28	Nội soi khí - phế quản ống mềm chải phế quản chẩn đoán
462	29	Nội soi khí - phế quản ống mềm rửa phế quản phế nang chọn lọc
463	31	Nội soi khí - phế quản ống mềm lấy dị vật
464	33	Nội soi khí - phế quản ống mềm qua ống nội khí quản
465	34	Nội soi khí - phế quản ống mềm huỳnh quang

466	36	Nội soi khí - phế quản ống mềm hút đờm qua ống nội khí quản
	XXI	THAM DÒ CHỨC NĂNG
	A	TIM MẠCH
467	14	Điện tim thường
	B	HÔ HẤP
468	18	Test giãn phế quản (Broncho Modilator Test)
469	22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)
470	23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)
471	24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)
	XXII	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU
	A	XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU
472	1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động
473	5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động
474	8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động
475	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động
476	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
477	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
	C	TẾ BÀO HỌC
478	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
479	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
480	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
481	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)
482	125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)
483	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
484	135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)
485	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)
486	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
487	149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
488	151	Cặn Addis
489	152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công
490	153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động

491	154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học
492	165	Làm thủ thuật chọc hút hạch làm hạch đồ
493	166	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)
494	167	Làm thủ thuật sinh thiết hạch
495	168	Xét nghiệm mô bệnh học hạch
496	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)
497	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)
498	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)
	H	HUYẾT HỌC LÂM SÀNG
499	502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
	XXII	HÓA SINH
	I	MÁU
	A	MÁU
500	3	Định lượng axit uric
501	7	Định lượng Albumin
502	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
503	20	Đo hoạt độ AST (GOT)
504	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp
505	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp
506	27	Định lượng Bilirubin toàn phần
507	29	Định lượng Calci toàn phần
508	30	Định lượng Calci ion hoá
509	41	Định lượng Cholesterol toàn phần
510	42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)
511	43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)
512	51	Định lượng Creatinin
513	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)
514	75	Định lượng Glucose
515	76	Định lượng Globulin
516	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
517	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
518	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
519	133	Định lượng Protein toàn phần
520	158	Định lượng Triglycerid
521	166	Định lượng Ure
	B	NƯỚC TIỂU
522	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)

523	176	Định lượng axit uric
524	180	Định lượng Canxi
525	184	Định lượng Creatinin
526	185	Định lượng Dưỡng chấp
527	186	Định tính Dưỡng chấp
528	187	Định lượng Glucose
529	194	Định tính Morphin (test nhanh)
530	201	Định lượng Protein
531	205	Định lượng Ure
532	206	Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)
	C	DỊCH NÃO TỦY
533	207	Định lượng Clo
534	208	Định lượng Glucose
535	209	Phản ứng Pandy
536	210	Định lượng Protein
	E	DỊCH CHỌC DỖ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)
537	214	Định lượng Bilirubin toàn phần
538	215	Định lượng Cholesterol toàn phần
539	216	Định lượng Creatinin
540	217	Định lượng Glucose
541	219	Định lượng Protein
542	220	Phản ứng Rivalta
543	221	Định lượng Triglycerid
544	223	Định lượng Ure
	XXI	VI SINH
	V	
	A	VI KHUẨN
		1. Vi khuẩn chung
545	1	Vi khuẩn nhuộm soi
546	2	Vi khuẩn test nhanh
547	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
548	8	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)
549	9	Vi khuẩn kháng sinh phối hợp
550	10	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh
		2. Mycobacteria
551	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen
552	18	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang

553	19	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> nuôi cấy môi trường lỏng
554	20	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> nuôi cấy môi trường đặc
555	21	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux
556	28	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> định danh và kháng RMP Xpert
557	35	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường lỏng
558	36	NTM (Non tuberculosis mycobacteria) nuôi cấy môi trường đặc
	B	VIRUT
		2. Hepatitis virus
559	117	HBsAg test nhanh
560	127	HBcAb test nhanh
561	133	HBeAb test nhanh
562	144	HCV Ab test nhanh
563	155	HAV Ab test nhanh
564	163	HEV Ab test nhanh
565	164	HEV IgM test nhanh
		3.HIV
566	169	HIV Ab test nhanh
567	170	HIV Ag/Ab test nhanh
	C	KÝ SINH TRÙNG
		1. Ký sinh trùng trong phân
568	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
569	264	Hồng cầu trong phân test nhanh
570	265	Đơn bào đường ruột soi tươi
571	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi
572	267	Trứng giun, sán soi tươi
573	268	Trứng giun soi tập trung
574	269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi
	D	VI NẤM
575	319	Vi nấm soi tươi
	Đ	ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN
576	329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí
577	330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay
578	331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng
579	332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt
580	333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt
581	334	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước thải
582	336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm

	XXV	GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC
583	13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da
584	15	Chọc hút kim nhỏ các hạch
585	19	Chọc hút kim nhỏ mô mềm
586	20	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim
587	21	Tế bào học dịch màng khớp
588	24	Tế bào học dịch chái phế quản
589	25	Tế bào học dịch rửa phế quản
590	26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang
591	30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết
592	31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học
593	76	Nhuộm Giemsa
594	89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy
595	79	Cell Bloc (Khối tế bào)
596		Xpert Xpress SAR-COV-2 (Thực hiện trong giai đoạn phòng chống dịch COVID-19)
Tổng cộng: 596 danh mục kỹ thuật đúng tuyến		

II. DANH MỤC KỸ THUẬT VƯỢT TUYẾN

STT	STT theo TT 43	Tên kỹ thuật
	III	NHI
		<i>I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC</i>
	A	TUẦN HOÀN
1	9	Hạ thân nhiệt chủ động
	G	PHẪU THUẬT KHÁC
2	4170	Hồi sức cấp cứu bệnh nhân chết não
	XVIII	ĐIỆN QUANG
	C	CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)
		10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1 - 32 dãy
3	263	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp
	XXII	HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU
	C	TẾ BÀO HỌC
4	122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)
	XXV	GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC
5	16	Chọc hút kim nhỏ màng tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm
Tổng cộng: 05 danh mục kỹ thuật vượt tuyến		

*Bệnh viện Phổi được phép khám, điều trị bệnh nhân mắc COVID-19 theo quy định./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Trọng Vũ